FireAnt

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,409
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,504
SL cổ phiếu LH	46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,115
% sở hữu nước ngoài	8.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	638
P/E	12.6
EPS	1,078

	YTD	1T	3T	6T
TKU	-8.2%	-11.1%	-8.2%	-8.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

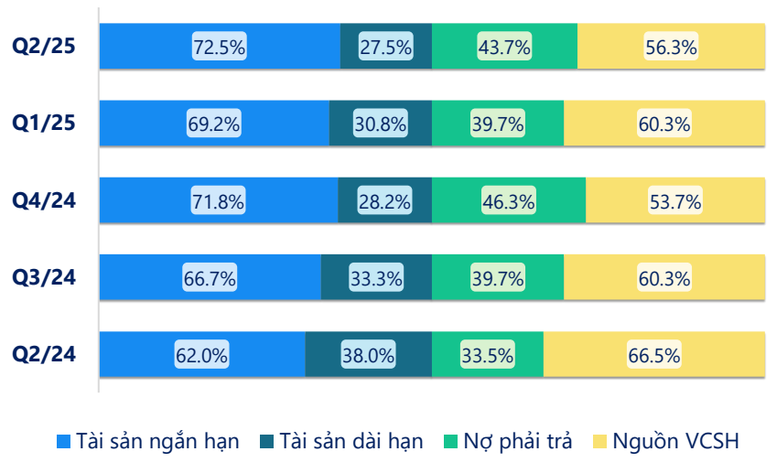

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

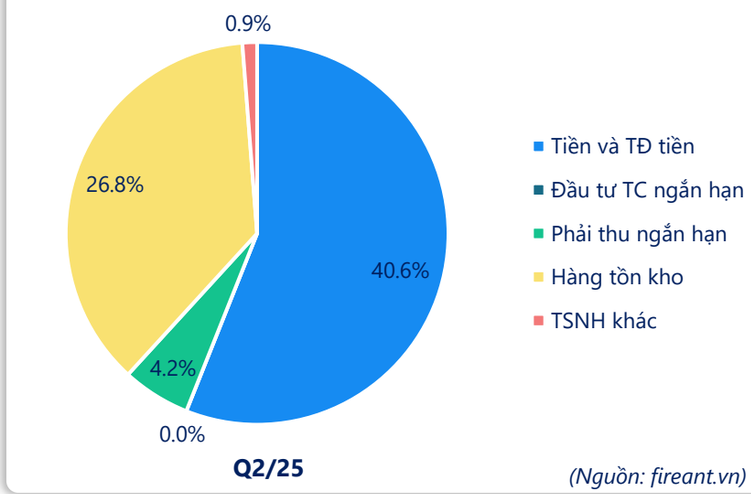

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

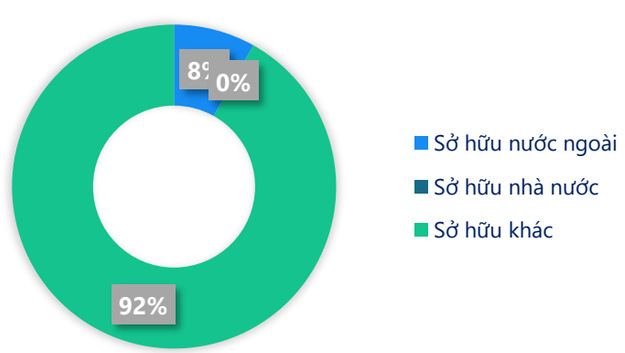

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

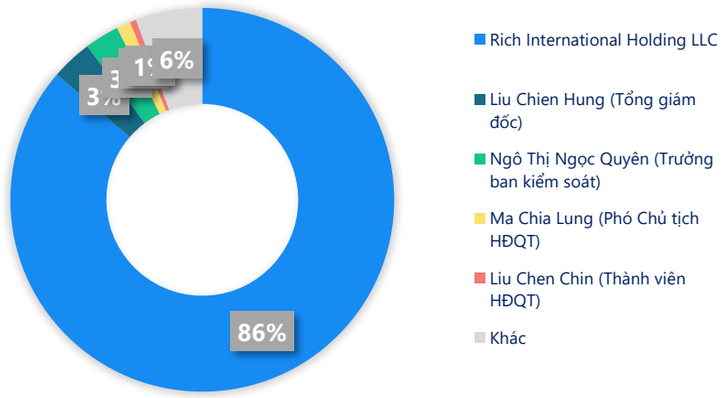

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

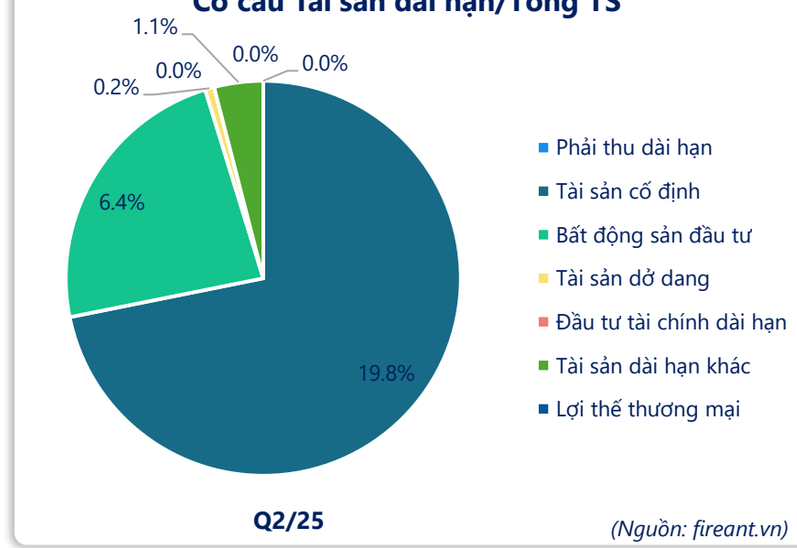

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

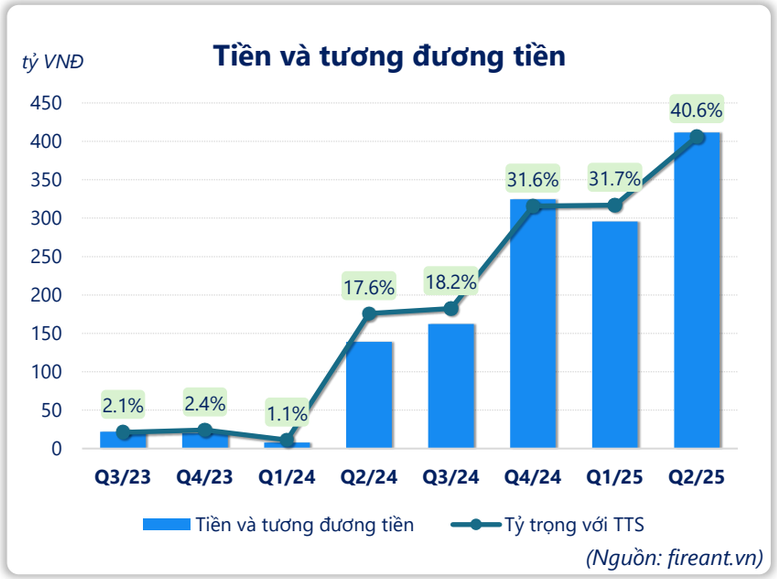

(Nguồn: fireant.vn)

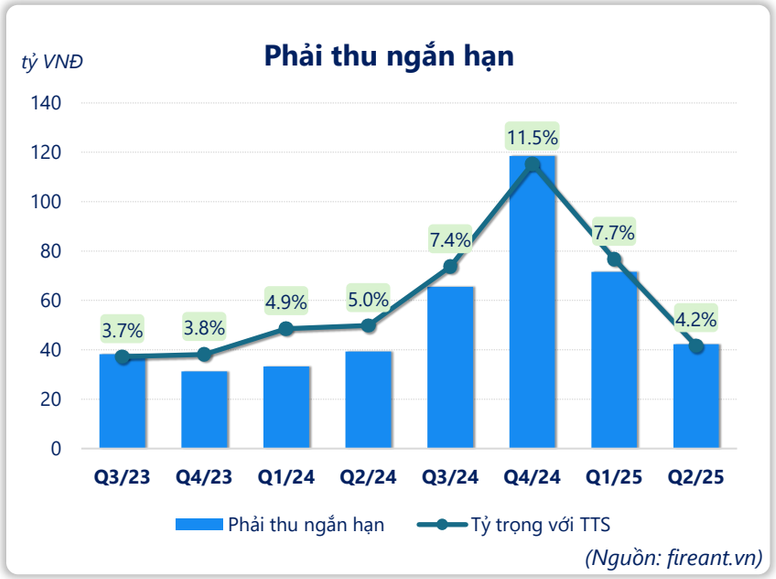

(Nguồn: fireant.vn)

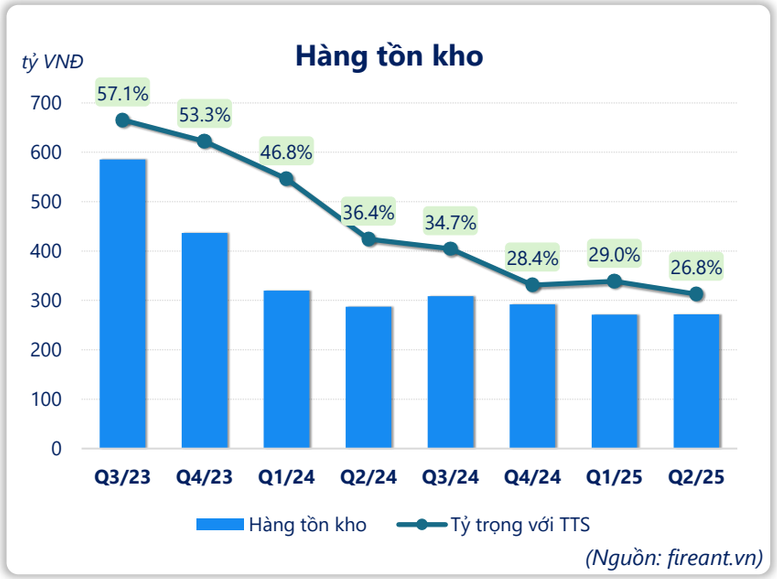

(Nguồn: fireant.vn)

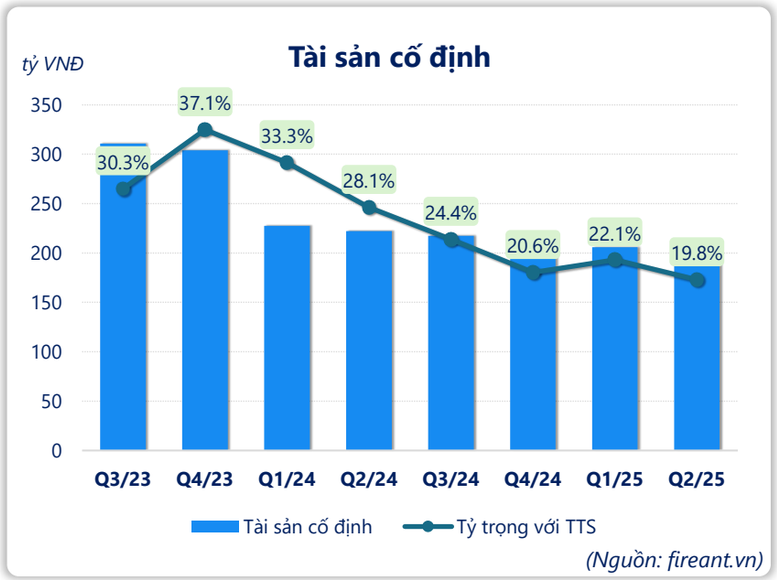

(Nguồn: fireant.vn)

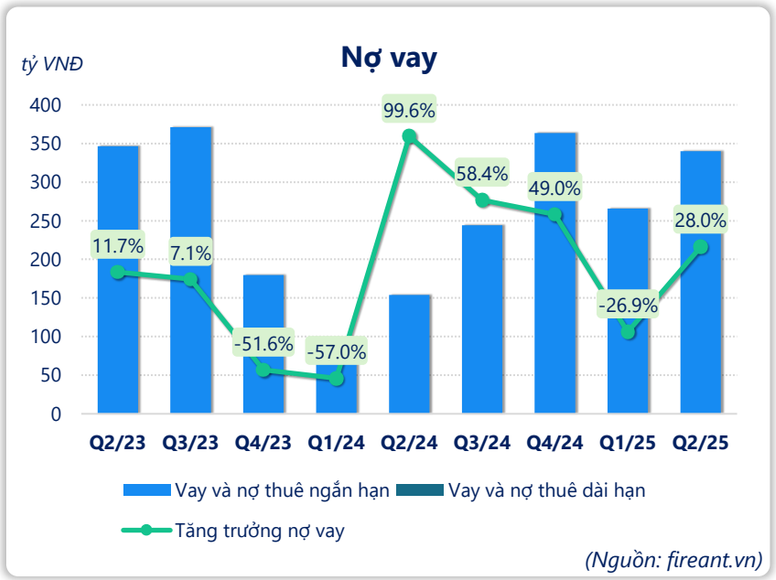

(Nguồn: fireant.vn)

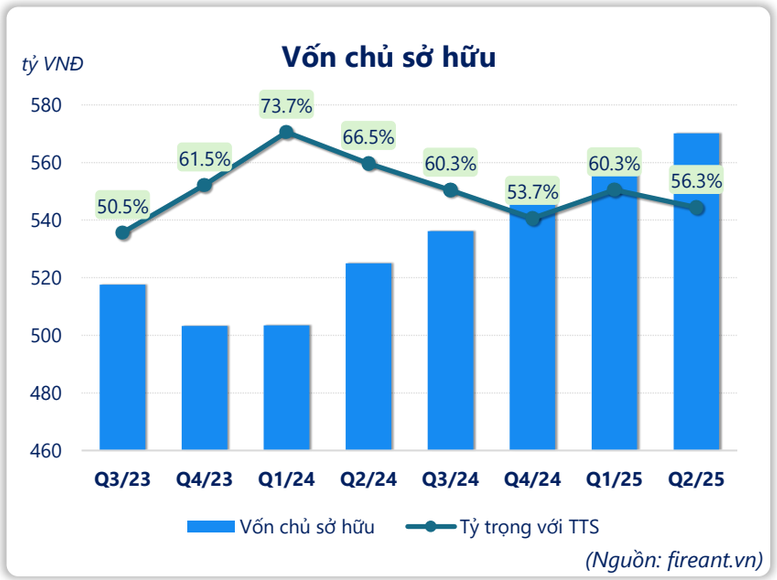

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

Kết quả kinh doanh

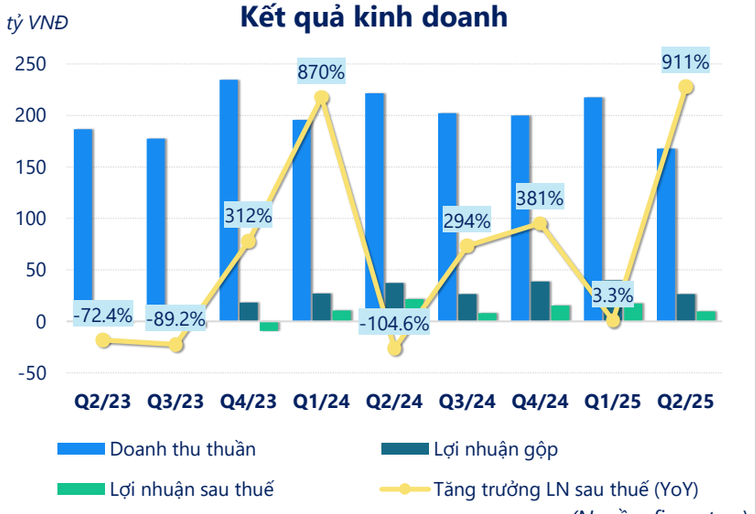

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

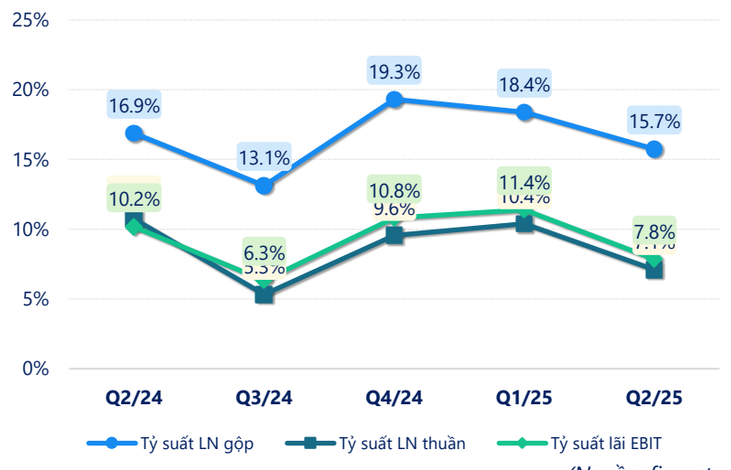

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

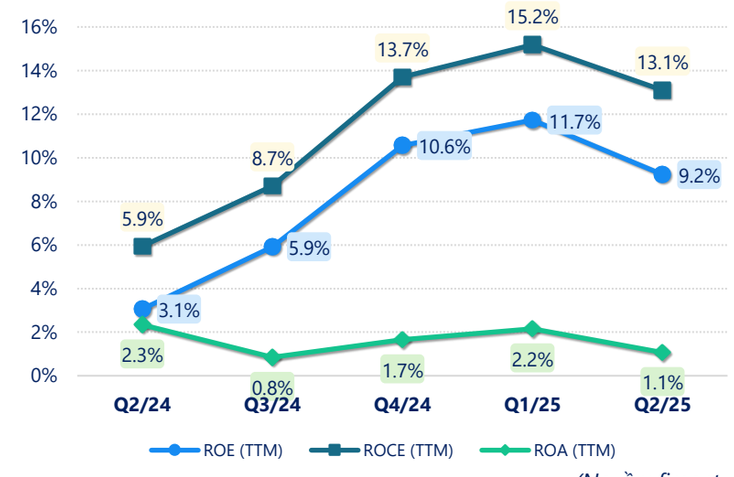

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

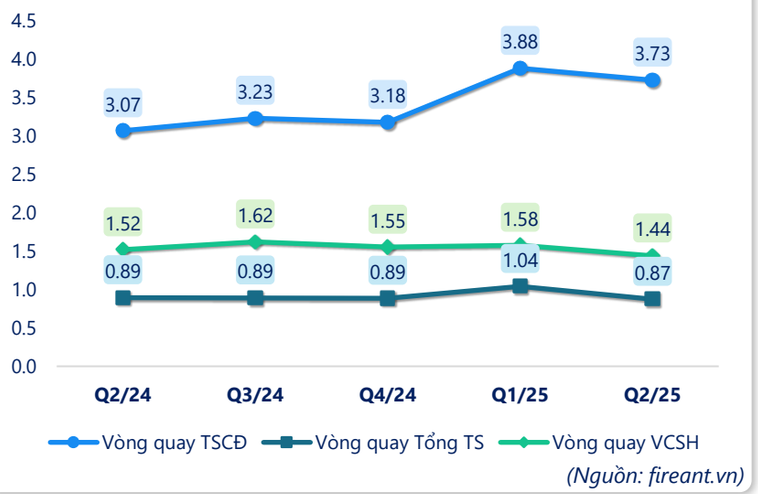

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

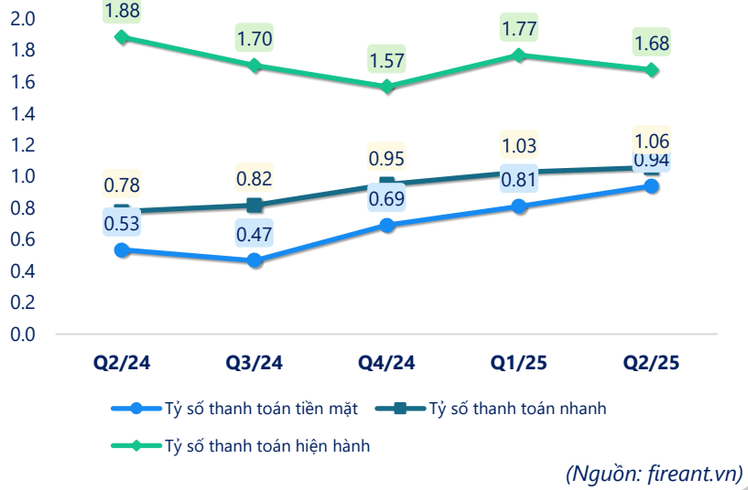

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

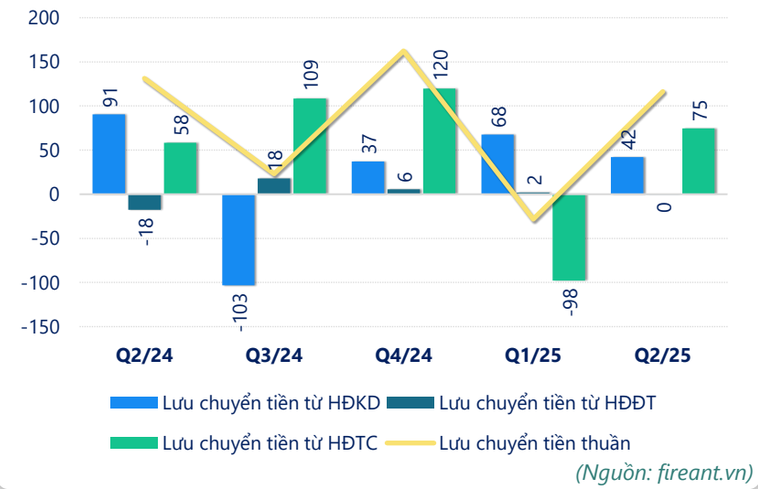

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,013**	**1,077**	**-5.9%**
Tài sản ngắn hạn	734	788	-6.8%
Tiền và tương đương tiền	412	324	27.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	42.3	72.9	-42.0%
Hàng tồn kho	272	388	-30.0%
Tài sản ngắn hạn khác	9.06	3.17	186%
Tài sản dài hạn	**279**	**289**	**-3.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	200	211	-5.3%
Bất động sản đầu tư	65.2	66.9	-2.5%
Tài sản dở dang	2.10	0.33	537%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.2**	**10.6**	**5.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	443	531	-16.6%
Nợ ngắn hạn	**438**	**526**	**-16.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	340	364	-6.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.7	69.6	-66.0%
Nợ dài hạn	5.03	5.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**570**	**546**	**4.5%**
Vốn chủ sở hữu	**570**	**546**	**4.5%**
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	221	202	200	218	168
Giá vốn hàng bán	184	176	161	178	141
Lợi nhuận gộp	37.3	26.5	38.6	40.0	26.4
Doanh thu HĐTC	1.48	0.22	4.76	2.07	3.58
Chi phí TC	2.55	3.35	6.41	4.49	4.14
Chi phí lãi vay	0.91	2.08	3.04	3.25	2.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.18	3.99	7.84	4.03	4.36
Chi phí QLDN	8.36	8.65	10.0	11.0	9.56
LN thuần từ HĐKD	23.7	10.8	19.1	22.6	11.9
Lợi nhuận khác	-2.14	-0.04	-0.53	-1.07	-1.57
LN trước thuế	21.6	10.7	18.6	21.5	10.3
Lợi nhuận sau thuế	21.7	8.13	15.3	17.4	9.66
LNST của CĐ cty mẹ	21.7	8.13	15.3	17.4	9.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	90.6	-103	37.0	67.7	42.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.7	18.0	5.61	1.93	-0.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.3	109	120	-97.8	74.6
Tiền đầu kỳ	7.62	139	162	324	296
Lưu chuyển tiền thuần	**131**	**23.3**	**162**	**-28.2**	**116**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0	0	-0.40
Tiền cuối kỳ	139	162	324	296	412

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic